

1951

NIÁN QUÁNGUÓ ZÚQIÚ BǐSÀI DÀHUÌ

(NATIONAL FOOTBALL CONFERENCE)

Tournament held in Tianjin. Cup tournament

1951	DON	HUD	JIE	HUB	ZHO	TIE	XIN	XIB
Dōngběi (Northeast District)	***	2-0	2-0	2-0	9-0	0-0	8-0	7-0
Huádōng (East China Region)		***	3-1	4-2	2-1	2-0	6-0	6-0
Jiěfàngjūn (People's Liberation Army)			***	2-2	5-1	3-0	5-2	6-0
Huáběi (North China District)				***	4-1	3-2	3-1	7-0
Zhōngnán (Central South District)					***	1-0	2-1	6-0
Tiělù (Railway)						***	5-0	8-0
Xīnán (Southwest District)							***	3-1
Xīběi (Northwest District)								***

1951		P	W	D	L	F	A	Pt
1	Dōngběi (Northeast District)	7	6	1	0	30	0	13
2	Huádōng (East China Region)	7	6	0	1	23	6	12
3	Jiěfàngjūn (People's Liberation Army)	7	4	1	2	22	10	9
4	Huáběi (North China District)	7	4	1	2	21	12	9
5	Zhōngnán (Central South District)	7	3	0	4	12	21	6
6	Tiělù (Railway)	7	2	1	4	15	9	5
7	Xīnán (Southwest District)	7	1	0	6	7	30	2
8	Xīběi (Northwest District)	7	0	0	7	1	43	0

[illegible]

1974 Group Chongqing		P	W	D	L	F	A	Pt
1	Liáoníng (Liaoning)	9	8	1	0	28	5	17
2	Sìchuān (Sichuan)	9	5	4	0	13	4	14
3	Guǎngxī (Guangxi)	9	6	1	2	17	8	13
4	Yúnnán (Yunnan)	9	5	2	2	20	9	12
5	Kūnmíng Bùdùì (Kunming Military Region)	9	4	2	3	13	15	10
6	Guǎngdōng Qīngnián (Guangdong Youth)	9	3	2	4	10	8	8
7	Nánjīng Bùdùì (Nanjing Military Region)	9	3	1	5	10	16	7
8	Jiāngxī (Jiangxi)	9	2	2	5	10	23	6
9	Chéngdū Bùdùì (Chengdu Military Region)	9	1	1	7	7	16	3
10	Xīzàng (Tibet)	9	0	0	9	5	29	0
-	Chóngqìng (Chongqing)	10	1	0	9	14	25	2

Chongqing played out of ranking. Hubei withdrew
Goals in extra time were not counted

[illegible]

2006

NIÁN ZHONGGUÓ ZÚQIÚ XIÉHUÌ CHÁOJÍ LIÁNSÀI

(CHINESE FOOTBALL ASSOCIATION SUPER LEAGUE)

2006	SHD	SHS	BEI	CHA	DAL	TIA	SHU	XIM	XIN	WUH	SZH	SYA	LIA	QIN	CHO
Shāndōng Lǔnéng Tàishān	***	2-1	1-0	2-0	0-0	2-1	3-1	2-0	5-1	5-1	2-0	3-1	3-1	3-1	4-0
Shànghǎi Shēnhuā	2-1	***	0-0	0-0	1-1	1-0	0-0	2-2	1-1	3-1	1-0	0-0	3-0	2-0	2-0
Běijīng Guoan	0-0	0-1	***	1-0	1-0	1-1	1-2	1-0	3-1	1-1	2-0	1-0	1-0	1-0	1-0
Chángchūn Yàtài	3-2	0-1	4-1	***	2-1	3-1	2-0	3-0	1-1	2-0	3-0	0-0	2-0	2-1	3-1
Dàlián Shídé	1-4	1-2	0-0	3-2	***	2-1	1-0	1-1	1-0	2-0	5-0	3-1	2-0	3-1	6-0
Tiānjīn Kāngshìfù	0-3	1-1	0-0	1-1	0-0	***	3-1	3-2	2-2	3-0	2-0	2-0	4-2	1-1	1-0
Shànghǎi Liánchéng	5-1	1-1	0-0	2-1	1-1	3-0	***	1-1	1-1	0-0	0-0	1-1	1-2	1-0	3-0
Xiámén Lánshī	1-3	2-1	2-0	0-0	1-0	3-1	0-0	***	0-1	2-0	0-0	1-2	0-0	0-0	3-2
Xī'ān Guójì	0-2	0-0	0-2	1-1	4-2	1-1	1-1	0-2	***	3-0	0-0	3-0	2-1	2-1	2-0
Wūhàn Guānggǔ	1-2	0-2	1-1	4-2	0-1	3-4	1-1	1-1	1-0	***	2-1	2-0	1-1	2-1	2-1
Shēnzhèn Jīnwēi	0-3	1-0	0-4	1-0	1-2	2-3	0-2	3-2	2-2	1-0	***	2-0	2-2	1-0	0-0
Shěnyáng Jīndé	2-7	1-0	0-1	0-2	3-2	0-0	1-3	0-0	2-1	0-1	1-2	***	1-0	2-2	1-1
Liáoníng Zhōngyù	0-5	1-2	1-2	1-1	2-1	0-1	2-0	0-0	1-1	2-1	2-1	1-1	***	0-0	1-0
Qīngdǎo Zhōngnéng	1-2	1-2	0-0	0-1	0-1	3-2	1-0	0-1	0-1	0-0	2-1	2-1	2-0	***	1-1
Chóngqìng Lífān	2-2	2-5	1-1	1-0	1-0	1-1	0-1	0-1	1-1	0-2	0-1	0-1	2-1	3-4	***

Final Table		P	W	D	L	F	A	Pt
1	Shāndōng Lǔnéng Tàishān	28	22	3	3	74	26	69
2	Shànghǎi Shēnhuā	28	14	10	4	37	19	52
3	Běijīng Guoan	28	13	10	5	27	16	49
4	Chángchūn Yàtài	28	13	7	8	41	26	46
5	Dàlián Shídé	28	13	6	9	43	29	45
6	Tiānjīn Kāngshìfù (Teda)	28	10	10	8	40	38	40
7	Shànghǎi Liánchéng (United)	28	9	12	7	32	25	39
8	Xiámén Lánshī	28	9	11	8	28	27	38
9	Xī'ān Guójì (Xi'an International, Chanba)	28	8	12	8	33	34	36
10	Wūhàn Guānggǔ	28	8	7	13	28	42	31
11	Shēnzhèn Jīnwēi (Kingway)	28	8	6	14	22	42	30
12	Shěnyáng Jīndé (Ginde)	28	6	8	14	22	43	26
13	Liáoníng Zhōngyù (Liaoning)	28	6	8	14	24	42	26
14	Qīngdǎo Zhōngnéng	28	6	7	15	25	36	25
15	Chóngqìng Lífān	28	3	7	18	20	51	16

Shanghai International moved to Xi'an and were renamed Xi'an Chanba
Shanghai Zobon merged with Shanghai Jiucheng into Shanghai United